

Mường Chà, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI BỔ SUNG  
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

**I. Thời gian:** 08h00, ngày 25/07/2025

**II. Địa điểm:** Trường MN Chà Cang, tỉnh Điện Biên

**III. Thành phần tham dự gồm:**

- Bà: Tống Thị Khuyên - Hiệu trưởng, Trưởng ban quản trị đời sống
- Bà: Lò Thị Thân - Phó Hiệu trưởng
- Bà: Lăng Thị Thủy - Phó Hiệu trưởng
- Bà: Tao Thị Toàn - Nhân viên Kế toán
- Bà: Bùi Thị Thủ - Thư ký Hội đồng

**IV. Nội dung**

Trường MN Chà Cang đã tiến hành niêm yết, công khai việc giao dự toán chi ngân sách năm 2025 theo thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Công khai việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025.

**Thời gian niêm yết:** Ngày 25 tháng 07 năm 2025

**Địa điểm:** Bảng tin.

**Thời gian kết thúc:** Ngày 25 tháng 08 năm 2025

Biên bản kết thúc vào hồi 8 giờ 30 phút cùng ngày.

**Thư ký**

Bùi Thị Thủ

**Chữ kí các thành viên  
tham dự niêm yết**

*(Handwritten signatures of the members present at the meeting)*  
Lò Thị Thân  
Lăng Thị Thủy  
Tao Thị Toàn

**HIỆU TRƯỞNG**



Tống Thị Khuyên



Đơn vị: Trường MN Chà Cang  
Chương: 822  
Mã ĐVQHNS: 1093712



**BIỂU CÔNG KHAI BỎ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm Biên bản nệm yết công khai ngày 25/07/2025 )

(Đơn vị: đồng)

| STT        | Nội dung                                                   | Dự toán được giao  |
|------------|------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | Tổng số thu,chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                 |                    |
| <b>1</b>   | Số thu phí, lệ phí                                         | <b>0</b>           |
|            | Nhiệm vụ khoa học công cấp cơ sở                           |                    |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                    |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                    |
| <b>3</b>   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề                  | <b>492,000,000</b> |
| <b>3.1</b> | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             | <b>492,000,000</b> |
| 3.1.1      | Chi lương và các khoản chi phí hoạt động                   | 492,000,000        |
| <b>3.2</b> | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       | <b>0</b>           |
| 3.2.1      | Phụ cấp thâm niên nhà giáo                                 |                    |
| 3.2.2      | Kinh phí hỗ trợ học phí theo nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND |                    |
| 3.2.3      | Kinh phí sinh hoạt hè                                      |                    |
| 3.2.4      | Chi thu nhập tăng thêm theo nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND  |                    |
| <b>4</b>   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                     |                    |
| 4.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                    |
| 4.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                    |
| 5.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                    |
| 5.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                    |
| <b>6</b>   | Chi hoạt động kinh tế                                      |                    |
| 6.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                    |
| 6.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                    |
| <b>7</b>   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                            |                    |
| 7.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                    |
| 7.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                    |
| <b>8</b>   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                            |                    |
| 8.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                    |
| 8.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                    |
| <b>9</b>   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn           |                    |
| 9.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                    |
| 9.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                    |
| <b>10</b>  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                             |                    |
| 10.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |                    |
| 10.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       |                    |
| <b>11</b>  | Chi Chương trình mục tiêu                                  |                    |
| <b>1</b>   | Chi Chương trình mục tiêu quốc gia                         |                    |
| <b>2</b>   | Chi Chương trình mục tiêu                                  |                    |